

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 03/2021/HS-ST

Ngày: 15/01/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Văn Hùng Cường.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Châu Tiếp

2. Bà Lý Thị Bé Năm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Nhân, là cán bộ Tòa án nhân thị xã Cai Lay.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa:* Ông: Nguyễn Trần Quốc Vương, kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo.

1/ Nguyễn Văn D, Sinh năm 1991 tại Tiền Giang; Chứng minh nhân dân số: 312201XXX; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã Đ, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Thợ hàn; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950; Con bà: Võ Thị M, sinh năm 1952; Vợ: Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1991; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2/ Huỳnh Văn P, Sinh năm 1978 tại Tiền Giang; Chứng minh nhân dân số: 311542XXX; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã Đ, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Văn A, sinh năm 1954; Con bà: Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1979; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3/ Nguyễn Tấn Đ, Sinh năm 1988 tại Tiền Giang; Chứng minh nhân dân số: 311972XXX; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã Đ, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1952; Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; Vợ: Nguyễn Thị Yến T, sinh năm 1995; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

4/ Nguyễn Văn L, Sinh năm 1982 tại Tiền Giang; Chứng minh nhân dân số: 311660XXX; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã Đ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1948; Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; Vợ: Nguyễn Thị H N, sinh năm 1989; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

5/ Nguyễn Thành T, Sinh năm 1981 tại Tiền Giang; Chứng minh nhân dân số: 311660XXX; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã Đ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1955; Con bà: Lê Thị H (Đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1984; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

6/ Lê Quốc C, Sinh năm 1986 tại Tiền Giang; Chứng minh nhân dân số: 311824556; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Phúc, sinh năm 1958; Con bà: Phạm Thị Thu Hương, sinh năm 1968; Vợ: Nguyễn Thị Diệu Hiền, sinh năm 1988; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

7/ Lê Trường S, Sinh năm 1972 tại Tiền Giang; Chứng minh nhân dân số: 310927XXX; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã Đ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn P, sinh năm 1933; Con bà: Lê Thị T, sinh năm 1944; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

8/ Nguyễn Thị H, Sinh năm 1982 tại Tiền Giang; Chứng minh nhân dân số: 312201XXX; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã Đ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950; Con bà: Võ Thị M, sinh năm 1952; Chồng: Phan Văn H, sinh năm 1978; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 20/02/2020, Huỳnh Văn P đến quán nước giải khát và bán tạp hóa tại ấp M, xã Đ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do Nguyễn Thị H làm chủ để uống nước. P gặp Nguyễn Văn D (em ruột H) đang ngồi uống nước, D rủ P đi ra phía nhà sau của H đánh bài tiến lên nếu ai thua trả tiền nước thì P đồng ý. Sau đó, D lấy 01 bộ bài tây loại 52 lá của chị H để trên kệ hàng hóa dùng để bán cho khách rồi cùng với P đi ra phía nhà sau để đánh bài. Khi cả hai chơi được 02-03 ván thì Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thành T, Huỳnh Văn P và

Nguyễn Văn L đến chơi. Tất cả thống nhất đánh bài liêng 03 lá đếm nút được thua bằng tiền với mức đặt cược ban đầu là 50.000 đồng, sau khi chia bài người ngồi bên tay phải của người chia bài nếu lớn nút có thể đặt cược thêm nhưng số tiền đặt cược không quá 300.000 đồng và số tiền đặt cược được để trên bàn. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì Lê Quốc C và Lê Trường S đến và cùng tham gia chơi. Trong lúc chơi, do thua nên Đ lấy thêm 02 bộ bài để sử dụng vào việc đánh bạc. D và Đ trả cho H tổng cộng số tiền là 150.000 đồng (03 bộ bài và nước uống) nhưng không trực tiếp đưa cho H mà được để ở cái ghế phía sau. Do H biết những người này đánh bạc tại nhà của mình dưới hình thức được thua bằng tiền và số tiền 150.000 đồng là của những người đánh bạc trả tiền bài nên H đến nhận tiền. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì bị Công an thị xã Cai Lậy phát hiện bắt giữ.

+ Thu giữ trên chiếu bạc:

- Tiền thu trên chiếu bạc: 13.600.000 đồng.

- 01 (một) bộ bài Tây 52 lá, đã qua sử dụng.

+ Thu trên người đối tượng gồm: Nguyễn Tấn Đ: 01 điện thoại di động hiệu ITEL; Nguyễn Thành T: 1.860.000 đồng, 01 điện thoại Nokia màu đen; Huỳnh Văn P: 6.500.000 đồng; Lê Quốc C: 1.000.000 đồng, 01 điện thoại Nokia X1; Nguyễn Văn D: 1.000.000 đồng, 01 điện thoại iPhone 5; Nguyễn Văn L: 18.670.000 đồng, 01 điện thoại Nokia 150.

- 07 xe mô tô biển số: 63H8 – 8818, 63H8 – 9471, 63B2 – 067.55, 63H1 – 6880, 63B2 – 093.07, 63B2 – 201.28, 63H8 – 2812.

- Tiền chưa xác định chủ sở hữu: 2.520.000 đồng.

- Quá trình điều tra, Nguyễn Thị H giao nộp số tiền 200.000 đồng

Xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trao trả cho: anh Võ Văn N, sinh năm 1983, thường ấp Mỹ Lương, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy xe mô tô biển số 63H8 – 8818; anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982, thường trú ấp Mỹ Lương, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy xe mô tô biển số 63H8 – 9471; Nguyễn Văn L xe mô tô biển số 63B2 – 067.55; Lê Quốc C xe mô tô biển số 63H1 – 6880 Nguyễn Thành T xe mô tô biển số 63B2 – 093.07; Nguyễn Tấn Đ, xe mô tô biển số 63B2 – 201.28; Huỳnh Văn P xe mô tô biển số 63H8 – 2812.

Cáo trạng số 78 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy truy tố Nguyễn Văn D, Huỳnh Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thành T, Lê Quốc C, Lê Trường S và Nguyễn Thị H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 35, Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” và xử phạt các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn D từ 06-09 tháng tù; Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ;

2/ Huỳnh Văn P từ 25.000.000đ - 30.000.000đ;

3/ Nguyễn Tấn Đ từ 25.000.000đ - 30.000.000đ;

4/ Nguyễn Văn L từ 25.000.000đ - 30.000.000đ;

5/ Nguyễn Thành T từ 25.000.000đ - 30.000.000đ;

6/ Lê Quốc C từ 20.000.000đ – 25.000.000đ;

7/ Lê Trường S từ 20.000.000đ – 25.000.000đ;

8/ Nguyễn Thị H từ 06-09 tháng tù; Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật TTHS.

Đề nghị tuyên sung quỹ Nhà nước số tiền 13.600.000đ thu trên chiếu bạc; 2.520.000đ thu gần chiếu bạc và 200.000đ do bị cáo H giao nộp, bộ bài thì tiêu hủy. Riêng tiền và điện thoại là tài sản cá nhân trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo Huỳnh Văn P không có ý kiến, các bị cáo còn lại đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để về chăm sóc gia đình và nuôi dạy con nhỏ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng với nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đó là: Ngày 20/02/2020, tại nhà Nguyễn Thị H, tọa lạc tại ấp M, xã Đ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Nguyễn Văn D, Huỳnh Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thành T, Lê Quốc C, Lê Trường S và Nguyễn Thị H có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài liêng ba cây được thua bằng tiền với tổng số tiền thu trên chiếu bạc lúc bị bắt quả tang là 13.600.000 đồng. Cho nên có đủ cơ sở để quy kết các bị cáo đã đồng phạm vào tội “Đánh bạc” Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Trước hết cần phải thấy rằng, thời gian qua trên địa bàn thị xã Cai Lậy nói riêng, tỉnh Tiền Giang nói chung đã liên tiếp xảy ra tình trạng thanh thiếu niên tụ tập tổ chức đánh bạc với nhiều hình thức thắng thua bằng tiền. Mặc dù các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương đề ra nhiều giải pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế loại tội phạm này nhưng vẫn không giảm. Do đó cần phải được xử lý nghiêm minh và kịp thời vì đây là một tệ nạn của xã hội, cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Đối với các bị cáo chỉ vì mục đích háo lợi nên đã bất chấp thực hiện việc đánh bạc thắng thua bằng tiền giữa ban ngày ngay tại quán bán nước giải khát của gia đình bị cáo H có rất đông người, diễn ra nhiều giờ liền mà không sợ bị phát hiện chứng tỏ các bị cáo rất xem thường pháp luật. Hành

vi này không những trực tiếp xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng mà còn gây mất an ninh trị an xã hội tại địa phương. Cho nên phải được xử lý nghiêm khắc mới có tính răn đe và phòng ngừa. Do vụ án có nhiều bị cáo tham gia, vai trò có khác nhau, để việc cá thể hóa hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo. Xét thấy.

Trước hết trong vụ án này Nguyễn Văn D là người giữ vai trò chính, đã chủ động khởi xướng rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia, bị cáo đã chọn địa điểm và mua 01 bộ bài đồng thời trực tiếp đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, cho nên phải chịu mức hình phạt cao và nặng nhất so với đồng phạm.

Kế tiếp các bị cáo Huỳnh Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thành T khi được Nguyễn Văn D rủ thì đồng ý ngay không hề phản đối, những bị cáo này giữ vai trò là người thực thực hành tích cực, bị cáo Đ là người trực tiếp mua 02 bộ bài để cho đồng bọn đánh bạc, các bị cáo tham gia xuyên suốt từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Do đó phải chịu mức hình phạt ngang bằng với nhau.

Đối với Lê Quốc C và Lê Trường S khi đến quán nước của bị cáo H thấy các bị cáo khác đang đánh bài thì vào tham gia ngay mà không sợ bị phát hiện, chứng tỏ các bị cáo rất ham mê cờ bạc, vẫn là người giữ vai trò người thực thực hành tích cực. Tuy nhiên thời gian tham gia ngắn và ít hơn so với các bị cáo khác nên chịu mức hình phạt có nhẹ hơn so với các bị cáo P, Đ, L và T.

Riêng bị cáo Nguyễn Thị H tuy không trực tiếp đánh bạc nhưng tham gia với vai trò giúp sức rất tích cực, là người cung cấp địa điểm và 03 bộ bài tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo trong vụ án này đánh bạc một cách thuận lợi, diễn ra tại quán nước của mình. Cho nên cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ do hành vi mà bị cáo gây ra.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra đã T thà khai báo tất cả đều tỏ ra ăn năn hối cải, hiện có con còn nhỏ tuổi. Ngoài ra phần lớn gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng, trong đó: Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị H có ông nội được Nhà nước P tặng Huân chương độc lập, bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cha ruột được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ ruột được chứng nhận Tham gia dân công hỏa tuyến; Huỳnh Văn P có ông ngoại ruột là Liệt sĩ; Nguyễn Tấn Đ có bà ngoại được Nhà nước P tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, ông ngoại là thương binh 2/4; Nguyễn Văn L có cha ruột được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Lê Quốc C có bà nội được Nhà nước P tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

Sau khi xem xét đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi do các bị cáo thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cả 08 bị cáo đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, lý lịch rõ ràng nên có xem xét chiếu cố giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời nghĩ không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt chính bằng tiền cũng đủ sức răn giáo dục riêng cho các bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng Q khai nhận có đến nhà H để xem đánh bài nhưng không tham gia chơi, H khai Q có đưa số tiền 50.000 đồng trong chiếu bạc nhưng Q không thừa nhận, ngoài lời khai của H ra không còn chứng cứ nào khác. Nguyễn Văn B có đến nhà H xem đánh bài nhưng không tham gia. Do đó hành vi của Q và B không cấu thành tội phạm. Riêng Võ Văn N gửi xe mô tô biển số 63H8 – 8818 tại quán của H để đi làm thuê, N không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trao trả xe trên cho anh N. Xét

thấy cũng phù hợp nghi nên ghi nhận.

[6] Về vật chứng:

Đối với số tiền thu trên chiếu bạc 13.600.000đ cũng như số tiền 2.520.000đ thu giữ gần nơi chiếu bạc không xác định được chủ sở hữu và số tiền bị cáo H giao nộp 200.000đ do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cho nên phải tịch thu sung quỹ. Riêng bộ bài thì tiêu hủy. Đối với tiền và điện thoại là tài sản cá nhân nên trả lại cho các bị cáo nhưng vẫn tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Tuy nhiên do các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó bị cáo H tham gia chỉ giữ vai trò giúp sức nên Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án và lượng hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Huỳnh Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L, Lê Quốc C, Nguyễn Thị H.

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Huỳnh Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thành T, Lê Quốc C, Lê Trường S và Nguyễn Thị H đồng phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt:

- + Bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu);
- + Bị cáo Huỳnh Văn P số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu);
- + Bị cáo Nguyễn Tấn Đ số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu);
- + Bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu);
- + Bị cáo Nguyễn Thành T số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu);
- + Bị cáo Lê Quốc C số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu);
- + Bị cáo Lê Trường S số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu);
- + Bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu).

2/ Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài 52 lá.

+ Tuyên tịch thu sung vào quỹ Nhà nước số tiền 16.320.000đ (Tiền thu trên chiếu bạc 13.600.000đ; 2.520.000đ thu giữ gần nơi chiếu bạc không xác định được chủ sở hữu; 200.000đ tiền do bị cáo Nguyễn Thị H giao nộp).

+ Tuyên trả lại cho các bị cáo:

- Nguyễn Tấn Đ: 01 điện thoại di động hiệu ITEL;
- Nguyễn Thành T: 1.860.000 đồng, 01 điện thoại Nokia màu đen;
- Huỳnh Văn P: 6.500.000 đồng;
- Lê Quốc C: 1.000.000 đồng, 01 điện thoại Nokia X1;
- Nguyễn Văn D: 1.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 5;
- Nguyễn Văn L: 18.670.000 đồng, 01 điện thoại Nokia 150.

(Số tiền và điện thoại của các bị cáo vẫn tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy và Quyết định chuyển vật chứng ngày 11/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy).

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Án tuyên công khai lúc 13 giờ 30 phút ngày 15/01/2021).

Nơi nhận

- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS Thị xã Cai Lậy;
- CAND Thị xã Cai Lậy;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

MAI VĂN HÙNG CƯỜNG